

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa
chị T và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;
2. Ông Trương Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp 1, xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khóm Cây Da, phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Lê Thị Bích T có mặt tại phiên tòa, anh Hồ Văn T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày: Vào năm 2018, chị và anh Hồ Văn T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện N, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khi chị sinh cháu Hồ Tuấn K ngày 09 tháng 8 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn mà chỉ lo chơi bời. Từ ngày ly thân cho đến nay thì anh T không có gặp chị để hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn T; Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Hồ Tuấn K, sinh ngày 09/8/2019, hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích T với anh Hồ Văn T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Lê Thị Bích T. Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồ Tuấn K, sinh ngày 09/8/2019 (hiện đang sống với chị T). Anh Hồ Văn T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho cháu K theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ kiện Ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 26/8/2020. Bị đơn anh Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án*:

- Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T với anh Hồ Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích T với anh Hồ Văn T là hôn nhân hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nghĩa là anh T biết việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh T không lo làm ăn mà chỉ lo chơi bời. Qua tiếp xúc với mẹ ruột anh T là bà Nguyễn Thị C và cha ruột chị T là ông Lê Văn L đều xác nhận giữa chị T và anh T có mâu thuẫn tình cảm

với nhau, nếu hai người đoàn tụ về chung sống lại với nhau thì cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc nghĩa là mâu thuẫn giữa chị T và anh T là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Lê Thị Bích T yêu cầu xin ly hôn với anh Hồ Văn T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích T với anh Hồ Văn T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cháu Hồ Tuấn K, sinh ngày 09/8/2019, hiện đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và đang sống với chị T, để tránh xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu K và để bảo vệ quyền lợi về mọi mặt cho cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị T. Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hồ Tuấn K, sinh ngày 09/8/2019 (Hiện đang sống với chị T). Anh T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Bích T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai số 01284 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích T với anh Hồ Văn T.

2/ Về con chung: Chị Lê Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hồ Tuấn K, sinh ngày 09/8/2019 (Hiện đang sống với chị T). Anh Hồ Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K là ½ tháng lương cơ sở, tại thời điểm thi

hành án cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được (Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020).

Chị Lê Thị Bích T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Hồ Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Bích T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị T đã nộp theo biên lai số 01284 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008”(sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TXHN;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trung – Trương Thanh Phong

Nguyễn Phương Thảo